Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ
Email: cangio@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 21.08.2021 09:54:03 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4325 /UBND	*Cần Giờ, ngày 20 tháng 8 năm 2021*

Về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

KHẨN

Kính gửi:
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Chi cục thuế huyện Cần Giờ;
- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể;
- Cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Các đơn vị thuộc khối ngành dọc;

Thực hiện Công văn số 2703 /UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Căn cứ Công văn số 4689/STC-NS ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài chính thành phố về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các đơn vị triển khai xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm giai đoạn 2022-2024, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã thị trấn căn cứ các hướng dẫn sau đây để xây dựng dự toán ngân sách, gồm:

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

- Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương,

kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

- Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết về lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

- Nghi định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm.

- Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

II. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022:

1. Giao Chi cục thuế huyện:

a. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2021:

- Phân tích cụ thể từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2021;làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là tác động của đại dịch Covid-19; Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19 (nếu có); khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp về thu NSNN tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân do tác động của đại dịch Covid-19.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế, phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2021 (kể cả các chính sách thu phí thực hiện theo Nghị quyết 54/2017/QH14) và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu ngân sách nhà nướctheo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021; đánh

giá công tác đôn đốc, cưỡng chế, xử lý thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2021; dự kiến số nợ thuế xử lý trong các tháng cuối năm 2021 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và số dư nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng, trong đó dự kiến số kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện trong năm 2021 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng, trường hợp cần thiết thì đề xuất điều chỉnh nguồn kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng (bổ sung, tạm ứng, cắt giảm) để phù hợp với thực tế phát triển kinh tế xã hội trong các tháng cuối năm, đảm bảo hoàn trả chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật(ngoài hoàn thuế giá trị gia tăng); tình hình thực hiện theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu ngân sách nhà nước, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

b. Lập dự toán năm 2022:

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 phải được xây dựng theo đúng các quy định của các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, gia hạn thời gian nộp thuế, giảm phí, lệ phí; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế,

quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý giảm tỷ lệ nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Cùng với việc lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022, Chi cục Thuế huyện lập dự toán số chi hoàn trả các khoản thu ngân sách năm trước gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch.

- Chi Cục Thuế huyện thông báo chỉ tiêu dự kiến giao thu cho các đơn vị trực thuộc liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; thực hiện báo cáo thuyết minh và các biểu mẫu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 (mẫu biểu số 01,02, 03 và 31), Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 (mẫu biểu số 04), mẫu biểu số 01 (đính kèm Công văn này) và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 (mẫu biểu số 13, 16, 20, 21, 31 và 32) gửi về Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tài chính - Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021.**

2. Giao Chi cục Thống kê khu vực Nhà Bè – Cần Giờ:

Cung cấp số liệu tổng hợp kết quả thực hiện và dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện Cần Giờ theo các biểu mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 (mẫu biểu số 28) để phục vụ công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021.**

3. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động gặp kho khăn do đại dịch Covid-19 gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021**;

4. Giao Phòng Y tế: đánh giá tình hình triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19,gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021.**

5. Giao Phòng Nội vụ:

- Đánh giá kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế thực hiện trong giai đoạn 2016-2021 tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại tiết c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 61/2021/TT-BTC. Trong đó,chi tiết **(1)** số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy; **(2)** Số kinh phí ngân sách nhà nước tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy *(trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương)* **(3)** Số kinh phí phải bố trí từ ngân sách nhà nước để

thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ và Thành phố[1].

- Đánh giá kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021 đối với việc thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại tiết d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 61/2021/TT-BTC.

- Đánh giá kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021 đối với việc thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập:

+ Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2021 và lũy kế đến hết năm 2021, chi tiết theo từng mục tiêu, trong đó báo cáo cụ thể dự kiến số lượng và số biên chế, số lượng biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2021.

+ Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí ngân sách nhà nước theo từng lĩnh vực trong năm 2021 và lũy kế đến năm 2021; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

Phòng Nội vụ thực hiện báo cáo gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021**.

6. Giao Ban quản lý chương trình xây dựng nông thôn mới các xã, Ban quản dự án đầu tư xây dựng khu vực Cần Giờ, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển:

6.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2021:

a) Đánh giá tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2021, chi tiết theo từng lĩnh vực chi; Đánh giá cụ thể thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; Kết quả bố trí dự toán để thu hồi

---

[1]Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN; Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển; Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Tình hình thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển của NSNN năm 2021, **chi tiết theo từng lĩnh vực chi**, gồm:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn chi cân dối NSNN *(bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2021 theo quy định)*: Đánh giá tình hình giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2021, dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; chi tiết theo từng nguồn vốn (chi tiết vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu, vốn ngận sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2020, kế hoạch vốn năm 2021 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2021, kèm theo thuyết minh.

- Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; ước số xử lý trong năm 2021; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (chi tiết từng dự án) (nếu có)

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2021, dự kiến đến hết năm 2021; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển khác của NSNN năm 2021, tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2021 (huy động vốn, phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tăng trưởng tín dụng, giải ngân, thu nợ gốc, dư nợ cho vay; NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý,…).

- Đánh giá tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2021 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

c) Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước, thanh tra theo khoản 10 Điều 8 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021.

6.2. Lập dự toán năm 2022:

- Dự toán chi đầu tư phát triển được xây dựng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý

- Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản thi hành Luật; số kiểm tra dự toán thu chi ngân sách năm 2022 theo Thông báo của Sở Tài chính; căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 do Chi cục Thuế huyện dự kiến và kế hoạch chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước, dự toán từ các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã-thị trấn để tổng hợp dự toán chi ngân sách huyện năm 2022.

- Triển khai hướng dẫn lập dự toán chi ngân sách năm 2022 cho các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã thị trấn, trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và nguyên tắc xây dựng dự toán chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021;

8. Giao các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, các đơn vị sử dụng ngân sách:

a) Tập trung thực hiện các báo cáo liên quan đến công tác lập dự toán ngân sách năm 2022.

b) Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ kết quả thu 7 tháng đầu năm để đánh giá kết quả thực hiện thu NSNN năm 2021; trong đó tập trung đánh giá, phân tích một số nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích cụ thể từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2021; làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là tác động của đại dịch Covid-19;

- Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Lưu ý: Đối với ngân sách xã - thị trấn, đề nghị Ủy ban nhân dân xã - thị trấn đánh giá thêm một số nội dung sau:

- Do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, ngân sách gặp nhiều khó khăn; trường hợp dự kiến thu ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong khi vẫn phải chi thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, địa phương phải chủ động xây dựng phương án điều hành, sử dụng các nguồn lực của mình theo quy định để đảm bảo cân đối NSĐP gồm: nguồn tiết kiệm chi; nguồn dự phòng NSĐP còn lại (nếu có), nguồn tăng thu NSĐP năm 2020 chuyển sang năm 2021 (phần còn lại sau khi đã dành nguồn 70% để cải cách tiền lương - nếu có), nguồn kết dư ngân sách xã – thị trấn để hỗ trợ bù hụt thu NSĐP.

nợ công, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước[2], các mục tiêu theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong năm; đồng thời phải phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.Sắp xếp thứ tự ưu tiên của các dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2021 để đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

- Các đơn vị lập dự toán chi đầu tư phát triển phát triển nguồn ngân sách nhà nước **phải chi tiết theo các lĩnh vực chi**, **đảm bảo thực hiện đầy đủ các biểu mẫu theo quy định**, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nướcnăm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước,nhằm thực hiện tốt công tác đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển theo kế hoạch của từng lĩnh vực.

- Đối với công tác lập quy hoạch, thực hiện lập dự toán theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về triển khai các nội dung Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

7. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Căn cứ kết quả chi 6 tháng đầu năm 2021 để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách huyện năm 2021; phân tích nguyên nhân các khoản tăng, giảm chi so với dự toán đầu năm.

- Tổng hợp đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2021, dự kiến đến hết năm 2021; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

---

[2]Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14

c) Báo cáo nguồn cải cách tiền lương năm 2021, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu thực hiện tiền lương trong năm 2021, sử dụng để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo quy định.

d) Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, các đơn vị sử dụng ngân sách xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2022. Đối với các khoản viện trợ đã được tiếp nhận (từ năm 2021 trở về trước), chưa có dự toán được giao; phải lập và tổng hợp vào dự toán năm 2022 để được hạch toán, quyết toán theo quy định.

Đồng thời, báo cáo tình hình thu chi tài chính năm 2021 và dự kiến kế hoạch thu chi tài chính năm 2022 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình thu chi năm 2021 và dự kiến kế hoạch thu chi năm 2022 đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp báo cáo.

e) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách tiền lương: Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2021. Báo cáo nguồn cải cách tiền lương năm 2021, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu thực hiện chính sách tiền lương trong năm 2021.

g) Báo cáo tình hình sử dụng ngân sách 6 tháng đầu năm, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2021, đối với nội dung phòng chống dịch và phòng chống thiên tai, cụ thể: số hỗ trợ cho công tác phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; chi hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; hỗ trợ chính sách đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19[3].

i)Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra trong lĩnh vực tài chính – NSNN, quản lý tài sản công.

---

[3]Nghị quyết của Chính phủ: số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020, số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 2 năm 2021 về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19, số 17/NQ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch COVID-19 trong 05 ngày Tết Nguyên Đán năm Tân Sửu 2021, số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn liên quan của Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2022 – 2024:

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.

Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC và Thông tư số 61/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo như sau:

1. Giao Chi Cục Thuế huyện Cần Giờ:

- Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2021-2023, dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2023, năm 2024; khả năng phát triển kinh tế, từng ngành nghề, lĩnh vực trong giai đoạn 2022-2024, các yếu tố thay đổi tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu của từng năm, các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế. Trong đó, lập kế hoạch thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân khoảng 8-9%/năm;

- Kế hoạch thu ngân sách nhà nước phải đảm bảo được tổng hợp theo từng khoản thu, cơ cấu nguồn thu ngân sách nhà nước (thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu); thuyết minh cụ thể các yếu tố tác động đến thu ngân sách trong từng năm (công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, dự kiến thay đổi về cơ chế, chính sách thuế, phí…);

- Chi cục thuế thực hiện báo cáo thuyết minh kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024 và các biểu mẫu đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC (mẫu biểu số 02, 03) và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP (biểu số 08). Đồng thời, gửi báo cáo dự kiến kế hoạch thu ngân sách 03 năm 2022-2024 của huyện, chi tiết theo từng năm và từng sắc thuế cho Cục Thuế thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch để làm cơ sở cho việc xác định mức trần bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố cho ngân sách Huyện theo quy định tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ (báo cáo theo Mẫu biểu 01 đính kèm Công văn này) gửi về Cục Thuế Thành

phố đồng thời thông tin về Phòng Tài chính - Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021.**

2. Giao Phòng Nội vụ:

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ năm 2021, lập kế hoạch chi tiết theo từng năm (2022 - 2024) đối với việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, đổi mới, sắp xếp lại bộ máy, tổ chức của hệ thống chính trị và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để làm cơ sở triển khai thực hiện giảm dự toán đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong dự toán chi thường xuyên. Phòng Nội vụ thực hiện báo cáo gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch **trước ngày 27 tháng 8 năm 2021**.

3. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- Chủ trì, phối hợp Chi cục Thống kê Nhà Bè – Cần Giờ cập nhật và dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2022-2024 theo mẫu biểu số 01 đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính – ngân sách huyện 03 năm 2022-2024;

- Trên cơ sở đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của huyện; các mục tiêu, kế hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực liên quan; để lập kế hoạch chi đầu tư phát triển 03 năm 2022-2024.

- Đối với năm 2023-2024, lập kế hoạch đầu tư theo cơ chế phân cấp vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025; căn cứ việc lập kế hoạch đầu tư phải dựa trên các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp theo tiến độ thực hiện; các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành và phù hợp với định hướng tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Trên cơ sở nhu cầu kế hoạch vốn 3 năm của các đơn vị, Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp dự kiến kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển giai đoạn 03 năm 2022 - 2024 bao gồm số liệu và thuyết minh chi tiết **theo từng năm, từng lĩnh vực chi** và theo thứ tự ưu tiên.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã-thị trấn lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2022-2024 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Trên cơ sở hướng dẫn lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024 của Cục Thuế Thành phố, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp các đơn vị chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để lập

kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2022-2024 nằm trong phạm vi trần chi ngân sách được thông báo (giới hạn chi ngân sách). Trường hợp tổng hợp nhu cầu chi ngấn sách huyện vượt trần được thông báo; Phòng Tài chính – Kế hoạch có báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện; phối hợp, đề nghị các đơn vị lập dự toán có thuyết minh cụ thể, chi tiết nguyên nhân tăng nhu cầu chi.

8. Giao các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, các đơn vị sử dụng ngân sách:

- Trên cơ sở hướng dẫn lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024; các đơn vị chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để lập kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2022-2024; các đơn vị phải thuyết minh cụ thể nguyên nhân tăng nhu cầu chi là thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời phải đề xuất các giải pháp về nguồn tài chính đảm bảo cho nhu cầu chi này nhằm thực hiện được các nhiệm vụ được giao.

Để đảm bảo sự ổn định trong quá trình điều hành ngân sách và tập trung cho việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của huyện, các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân xã - thị trấn khi xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2022-2024 **cần dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạn chế tối đa việc đề nghị bổ sung ngoài dự toán**. Đối với các đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách, chế độ phải trên cơ sở điều tra, khảo sát nắm chắc số lượng đối tượng, đánh giá kỹ các tồn tại; tính toán lồng ghép giữa các chính sách, chế độ dự kiến sửa đổi hoặc ban hành mới với các chính sách hiện hành. **Không bổ sung từ nguồn ngân sách Huyện** cho những nhiệm vụ chi mà các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân xã - thị trấn khi **xây dựng dự toán chi ngân sách không tổng hợp đầy đủ kinh phí** theo chế độ, chính sách quy định.

IV. Các biểu mẫu liên quan công tác lập dự toán năm 2022 và kế hoạch tài chính 3 năm 2022 - 2024: ***(đính kèm bảng phụ lục)***

+ Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện theo phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 11a, 11b, 11c kèm thuyết minh số liệu;

+ Đề nghị các đơn vị dự toán, đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ bao gồm: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; cơ quan hành chính nhà nước vả đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; các cơ quan đơn vị thuộc khối ngành dọc: thực hiện lập dự toán theo phụ lục số 6, 7, 8, 9, 11a, 11b, 11c, đồng thời kèm thuyết minh số liệu;

* Riêng Phòng Tài ngyên và môi trường có dự toán và thuyết minh chi tiết về kinh phí chi nội dung quét dọn, thu gom, vận chuyển rác; Phòng Quản lý đô thị có

dự toán và thuyết minh chi tiết về kinh phí chi cho các nội dung duy tu thoát nước, duy tu giao thông, duy tu thủy lợi, chăm sóc cây xanh

+ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và đào tạo, thực hiện thêm biểu số 10; Phòng Nội vụ chủ động phối hợp với các đơn vị có báo cáo về nhu cầu thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên địa bàn huyện năm 2022;

+ Các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn gửi kèm thuyết minh đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và 03 năm giai đoạn 2022 – 2024 theo nội dung tại mục II văn bản này.

V. Tổ chức thực hiện:

Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn thực hiện xây dựng dự toán năm 2022 và kế hoạch tài chính 3 năm 2022 - 2024 gửi Ủy ban nhân dân huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp trước ngày **27/8/2020.**

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp dự toán của các đơn vị, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời tham mưu văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- LĐVP – TH;
- Lưu.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hồng

Phụ lục 01

UBND XÃ - THỊ TRẤN ...

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020 VÀ DỰ TOÁN 3 NĂM 2022-2024

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung thu	DỰ TOÁN 2021		ƯỚC THỰC HIỆN 2021		DỰ TOÁN 2022		DỰ TOÁN 2023		DỰ TOÁN 2024	
	NS xã	NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	NSNN
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng thu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I. Thu CTN trên địa bàn										
II. Thuế thu nhập cá nhân										
III. Các khoản thu điều tiết cho xã	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Thu phí và lệ phí										
Lệ phí môn bài										
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp										
Tiền thuê đất										
Thuế sử dụng đất nông nghiệp										
Thuế nhà đất										
Thu khác										
Trước bạ nhà đất										
Thuế chuyển QSDĐ										
Thu từ quỹ đất công										
Thu chuyển nguồn từ năm trước c.sang										
Thu kết dư										
IV. Thu bổ sung	**0**		**0**		**0**		**0**	**0**	**0**	
Bổ sung cân đối										
Bổ sung có mục tiêu										
Bổ sung khác										
V. Thu từ nguồn CCTL										
Thu tạm ứng ngoài ngân sách										

Ngày tháng năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI LẬP

UBND XÃ - THỊ TRẤN ...

Phụ lục 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022 VÀ DỰ TOÁN 3 NĂM 2022-2024

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN 2021	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021	DỰ TOÁN 2022	DỰ TOÁN 2023	DỰ TOÁN 2024	Ghi chú
A		1	2	3	4	
TỔNG CỘNG (I+II+III)	-	-	-	-	-	
I. Chi đầu tư phát triển						
II. Chi thường xuyên	-				-	
1. Chi SN Kinh tế	-	-	-	-	-	
- SN Nông lâm TL						
_ Chương trình nông thôn mới						
_ Quản lý đê nhân dân						
2. Sự nghiệp đào tạo						
3. Văn hóa nghệ thuật						
4. Thể dục thể thao						
5. Sự nghiệp y tế						
6. Sự nghiệp xã hội:						
7. Quản lý nhà nước + Đảng + Đoàn thể	-	-	-	-	-	
+ Quản lý nhà nước						
+ Đảng CSVN						
+ Đoàn thể						
+ Hội, hội nghề nghiệp						
_ Chữ thập đỏ						
- Hội Người cao tuổi						
- Hội nghề nghiệp khác						
8. An ninh QP và AN TTAN XH	-	-	-	-	-	
_ Quốc phòng						
_ AN và TTAN XH						
9. Chi khác						
10.Chi trả các khoản thu năm trước						
11. Chi BS NS cấp dưới						
12. Chi CCTL						
13. Chi chuyển nguồn						
III. Dự phòng phí						

Ngày tháng năm 2020

NGƯỜI LẬP **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

UBND XÃ - THỊ TRẤN ...

Phụ lục 03

DỰ TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ NĂM 2022

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Dự toán năm 2022
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	1	2	3	4	5
I	**Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)**				
-	Lệ phí ...				
-	Lệ phí ...				
	...				
II	**Số thu phí**				
1	**Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)**				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
	...				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng lĩnh vực)**				
a	Chi lĩnh vực ...				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
b	Chi lĩnh vực ...				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
c	...				
3	**Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)**				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
III	**Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)**				

..., ngày....tháng....năm...

NGƯỜI LẬP **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

UBND XÃ - THỊ TRẤN ...

Phụ lục 04

DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN VÀ SỐ BỔ SUNG CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	KINH PHÍ TĂNG THÊM	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6
I	**Tổng chi quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp làm thêm giờ)**						
	Trong đó:						
(1)	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã được quyết định trước 31/12 năm n-1						
-	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã dự kiến						
-	Điều chỉnh quỹ tiền lương (bao gồm cả kinh phí còn thiếu của các năm trước)						
(2)	Tổng chi quỹ lương do tăng tiền lương cơ sở						
II	**Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL**						
(1)	10% tiết kiệm chi thường xuyên						
(2)	50% tăng thu NSĐP						
	- 50% tăng thu NSĐP dự toán năm nay so năm trước						
	- 50% tăng thu NSĐP thực hiện năm trước so dự toán năm trước						
III	**Kinh phí đề xuất phải bổ sung hoặc chuyển nguồn**	I-II	I-II		I-II	I-II	I-II

…., ngày … tháng… năm …..

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND XÃ - THỊ TRẤN ...

Phụ lục 05

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	**Thu nội địa**					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (*)					
2	Thuế thu nhập cá nhân					
3	Thuế bảo vệ môi trường					
4	Lệ phí trước bạ					
5	Thu tiền sử dụng đất					
II	**Thu viện trợ**					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

Ghi chú :

(*) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

…., ngày … tháng… năm …..

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Tên đơn vị:

Biểu số 06

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

ĐVT: Triệu đồng

Loại	Khoản	Mục	Nội dung	Thực hiện 2020	Năm 2021			Dự toán 2022	Dự toán 2022	Dự toán 2024	Ghi chú
					Dự toán	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm				
			Tổng số								
			Chi thường xuyên								
			I - Kinh phí giao tự chủ								
			....								
			....								
			....								
			II - Kinh phí không thực hiện tự chủ								
			....								
			....								
			....								
			....								

Tên đơn vị:

Biểu số 7

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN TỪ NĂM 2022 ĐẾN NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện 2020	Năm 2021			Dự toán 2022	Dự toán 2023	Dự toán 2024	Ghi chú
			Dự toán	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	
A	Tổng số thu của đơn vị								
I	Tổng số thu của đơn vị								
II	Số thu nộp ngân sách nhà nước								
III	Số thu được để lại đơn vị								
IV	Kinh phí ngân sách nhà nước								
B	Tổng số chi của đơn vị								

Lưu ý: chi tiết theo nội dung chi

Biểu số 8

Tên đơn vị:

THUYẾT MINH

DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2022 - 2024

Chương: - Loại: - Khoản

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Mục	Nội dung	Số tiền					
		Thực hiện năm 2020	Ước năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú

Biểu số 9

Đơn vị

DỰ TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ NĂM 2022

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Dự toán năm 2022
			Dự toán	Ước thực hiện	
A					
I	**Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)**				
-	Lệ phí …				
-	Lệ phí …				
	…				
II	**Số thu phí**				
1	**Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)**				
-	Phí …				
-	Phí …				
	…				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng lĩnh vực)**				
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Phí …				
-	Phí …				
b	Chi hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Phí …				
-	Phí …				
c	Chi …				
3	**Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)**				
-	Phí …				
-	Phí …				
III	**Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)**				

Cần Giờ, ngày tháng năm 20..

THỦ TRƯỞNG

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
ĐƠN VỊ ....

PHỤ LỤC 10b

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 4325 /UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
1	Dân số	Triệu người					
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%					
4	Giáo dục, đào tạo						
	- Số giáo viên	Người					
	- Số học sinh	Người					
	Trong đó:						
	+ Học sinh dân tộc nội trú	Người					
	+ Học sinh bán trú	Người					
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người					
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường					
5	Y tế:						
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở					
	- Số giường bệnh	Giường					
	Trong đó:						
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường					
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường					
	+ Giường y tế xã phường	Giường					
	- Số đối tượng mua BHYT						
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người					
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người					
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người					
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người					
	+ Học sinh, sinh viên	Người					
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người					

…, ngày … tháng… năm …..

Người lập biểu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 11a

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

ĐƠN VỊ ....

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP THỰC HIỆN NĂM 2019

(Đính kèm Công văn số 4325/UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2019	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2019	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2019														CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (1)	Trong đó												HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẬC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=6/4/12/1,49	20=7/4/12/1,49
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)																		
I	**KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**																		
	Trong đó:																		
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo**																		
	- Giáo dục:																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
	- Đào tạo																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
2	**Sự nghiệp y tế**																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
3	**Sự nghiệp khoa học-công nghệ**																		
4	**Sự nghiệp văn hoá thông tin**																		
5	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**																		
6	**Sự nghiệp thể dục - thể thao**																		
7	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**																		
8	**Hoạt động kinh tế**																		
9	**Sự nghiệp môi trường**																		
10	**Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**																		
	- Quản lý NN																		
	- Đảng, đoàn thể																		
II	**CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ**																		
III	**CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN**																		
IV	**HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**																		
	+ Cấp tỉnh																		
	+ Cấp huyện																		
	+ Cấp xã																		
V	**PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY**																		
	+ Ủy viên cấp tỉnh																		
	+ Ủy viên cấp huyện																		
	+ Ủy viên cấp xã																		
VI	**CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC**																		
	+ Bí thư, chủ tịch.																		
	+ Phó BT, phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																		
	+ Các chức danh còn lại																		

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.

PHỤ LỤC 11b

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

ĐƠN VỊ ....

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP THỰC HIỆN NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 4925 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2020	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2020	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2020															HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẬC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC			
	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=6/4/12/1,49	20=7/4/12/1,49
1																			
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)																		
I	**KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**																		
	Trong đó:																		
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo**																		
	- Giáo dục:																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
	- Đào tạo																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
2	**Sự nghiệp y tế**																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
3	**Sự nghiệp khoa học-công nghệ**																		
4	**Sự nghiệp văn hoá thông tin**																		
5	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**																		
6	**Sự nghiệp thể dục - thể thao**																		
7	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**																		
8	**Hoạt động kinh tế**																		
9	**Sự nghiệp môi trường**																		
10	**Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**																		
	- Quản lý NN																		
	- Đảng, đoàn thể																		
II	**CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ**																		
III	**CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN**																		
IV	**HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**																		
	+ Cấp tỉnh																		
	+ Cấp huyện																		
	+ Cấp xã																		
V	**PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY**																		
	+ Ủy viên cấp tỉnh																		
	+ Ủy viên cấp huyện																		
	+ Ủy viên cấp xã																		
VI	**CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC**																		
	+ Bí thư, chủ tịch.																		
	+ Phó BT, phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																		
	+ Các chức danh còn lại																		

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.

PHỤ LỤC 11e

) HUYỆN CẦN GIỜ

ƠN VỊ ....

BÁO CÁO QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP THỰC HIỆN NĂM 2021

(Đính kèm Công văn số 4925 /UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2021	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2021	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP NĂM 2021														HỆ SỐ LƯƠNG, PHỤ CẤP BÌNH QUÂN	
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (2)	HỆ SỐ LƯƠNG, NGẠCH, BẬC BÌNH QUÂN	HỆ SỐ PHỤ CẤP BÌNH QUÂN
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7= 8 +...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=6/4/12/1,49	20=7/4/12/1,49
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)																		
I	**KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**																		
	Trong đó:																		
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo**																		
	- Giáo dục:																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
	- Đào tạo																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
2	**Sự nghiệp y tế**																		
	Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)																		
3	**Sự nghiệp khoa học-công nghệ**																		
4	**Sự nghiệp văn hoá thông tin**																		
5	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**																		
6	**Sự nghiệp thể dục - thể thao**																		
7	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**																		
8	**Hoạt động kinh tế**																		
9	**Sự nghiệp môi trường**																		
10	**Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**																		
	- Quản lý NN																		
	- Đảng, đoàn thể																		
II	**CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ**																		
III	**CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN**																		
IV	**HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP**																		
	+ Cấp tỉnh																		
	+ Cấp huyện																		
	+ Cấp xã																		
V	**PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY**																		
	+ Ủy viên cấp tỉnh																		
	+ Ủy viên cấp huyện																		
	+ Ủy viên cấp xã																		
VI	**CÁN BỘ XÃ NGHỈ VIỆC**																		
	+ Bí thư, chủ tịch.																		
	+ Phó BT, phó CT, TT Đảng ủy, Ủy viên, TK																		
	+ Các chức danh còn lại																		

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.